TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 126/2017/DS-PT Ngày: 24 - 8 - 2017 V/v tranh chấp hụi	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà
Các Thẩm phán: Bà Trịnh Xuân Trúc
Ông Huỳnh Văn Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2017/TLPT-DS ngày 27 tháng 7 năm 2017 về việc "Tranh chấp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2017/DS-ST ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2017/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1984 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp R, xã P1, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp R, xã P1, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Đỗ Khánh A, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp R, xã P1, huyện T, tỉnh Cà Mau (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/8/2017) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1982 (có mặt); Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã P1, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1979 (có mặt); Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P2, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị N – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là anh Nguyễn Hoàng K trình bày:

Ngày 24/8/2011 âm lịch, bà Nguyễn Thị N có mở 01 dây hụi loại 3.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, gồm 33 phần, anh K và anh Nguyễn Văn N hùn tham

gia 01 phần, danh sách hụi viên ghi tên anh N. Đến kỳ khui hụi thứ 03 thì anh N đã giao phần hụi trên cho anh. Số tiền góp hụi trong 03 kỳ đầu anh đã thanh toán lại cho anh N xong. Hụi khui được 19 kỳ, đến kỳ khui hụi thứ 20 ngày 24/4/2013 thì bà N tuyên bố đình hụi; hụi hiện nay đã mãn. Tại thời điểm đình hụi, các bên không chốt lại khoản vốn góp, lãi hụi và trong quá trình tham gia hụi anh K không xác định được số tiền góp của mỗi kỳ.

Tại biên bản hòa giải vào ngày 29/12/2014 tại ấp Rạch Bần, xã P1, huyện T, anh và bà N thống nhất số vốn anh đã góp tương ứng 19 kỳ là 30.000.000 đồng, bà N đồng ý thanh toán cho anh với phương thức thanh toán là mỗi tháng trả 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay bà N chỉ trả cho anh được 02 lần với số tiền là 2.000.000 đồng; anh K không xác định được thời điểm thanh toán lần đầu, lần thứ hai vào ngày 21/8/2016.

Tại phiên tòa, anh K yêu cầu bà N thanh toán cho anh số tiền vốn góp là 28.000.000 đồng và khoản lãi suất vi phạm nghĩa vụ từ ngày 29-12-2014 đến nay là 7.000.000 đồng.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà N thừa nhận vào ngày 24/8/2011 âm lịch có mở 01 dây hụi loại 3.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 kỳ, gồm 33 phần đúng như nguyên đơn trình bày. Anh K tham gia 01 phần, trong danh sách hụi ghi tên Nhựt (Công Điền). Hụi khui được 19 kỳ, đến kỳ thứ 20 thì bà tuyên bố đình hụi. Chị Nguyễn Thị Yến N là người trực tiếp đóng hụi, tổng số tiền mà chị N thực đóng trong 19 kỳ là 21.999.000 đồng nhưng bà không xác định được số tiền vốn góp từng kỳ khui hụi phía anh K góp và khi đình hụi hai bên không có chốt lại nợ hụi.

Bà N thừa nhận tại phiên hòa giải ngày 29/12/2014, bà N và anh K thống nhất thỏa thuận số tiền vốn góp trong 19 kỳ khui hụi của anh K là 30.000.000 đồng; thỏa thuận mỗi tháng bà thanh toán cho anh K 1.000.000 đồng và đã thanh toán được 02 lần, mỗi lần 1.000.000 đồng vào tháng 8/2015 và tháng 7/2016 âm lịch.

Bà N đồng ý thanh toán số tiền còn lại 28.000.000 đồng và yêu cầu không thanh toán lãi, vì hiện nay các hụi viên sau khi hốt không đóng lại nên bà không có khả năng thanh toán.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh và anh K có tham gia 01 phần hụi do bà N làm chủ, hụi mở ngày 24/8/2011. Anh tham gia được 03 kỳ thì anh giao toàn bộ phần hụi lại cho anh K và đã thỏa thuận thanh toán xong số tiền hụi góp trong 03 kỳ nên anh không còn quyền và lợi ích đối với phần hùn tham gia 01 phần hụi nêu trên và không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Yến N trình bày: Chị xác định anh K và anh N là người tham gia hụi của bà N, trong danh sách hụi thì ghi tên anh N. Khoản tiền đóng hụi là do anh K và anh N đưa cho chị để đóng hụi cho bà N, chị chỉ đóng hụi giùm chứ không có liên quan gì đến phần hụi này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 50/2017/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 476 và Điều 479 của Bộ luật dân sự; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng K.

Buộc bà Nguyễn Thị N thanh toán cho anh Nguyễn Hoàng K số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/7/2017 bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo với nội dung chỉ đồng ý thanh toán số tiền 19.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của Nhà nước. Lý do cấp sơ thẩm buộc bà phải trả lãi tiếp trên số tiền 28.000.000 đồng là không đúng vì trong số tiền này đã có tiền lãi hụi và xin xem xét giảm tiền án phí có giá ngạch.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và nguyên đơn không tranh luận do thỏa thuận được số tiền cần thanh toán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, buộc bà N thanh toán cho ông K số tiền 30.000.000 đồng. Không chấp nhận kháng cáo về giảm án phí sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị N về việc xin trả nợ gốc đối với số tiền ông K đóng là 21.999.000 đồng, bà đã thanh toán được 2.000.000 đồng, bà chỉ còn nợ ông K là 19.999.000 đồng, bà đồng ý trả lãi suất theo quy định của Nhà nước thấy rằng, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay anh A là người đại diện hợp pháp của bà N đồng ý thanh toán số tiền vốn gốc do anh K đóng là 28.000.000 đồng, do hoàn cảnh gia đình khó khăn xin giảm phần lãi suất và án phí sơ thẩm có giá ngạch.

Phía anh K chấp nhận giảm một phần lãi suất cho bà N, yêu cầu bà N phải thanh toán cho anh số tiền 30.000.000 đồng.

Do giữa nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà N về việc giảm tiền án phí có giá ngạch, bà N cung cấp "Đơn xin giảm án phí", với nội dung do gia đình khó khăn, bà làm chủ hụi, bị các hụi viên không đóng hụi nên bà trả tiền cho một số hụi viên

số tiền rất lớn, bản thân bà bị bệnh (BL 67). Xét thấy bà N làm chủ hụi, có hưởng hoa hồng, khi làm chủ hụi bà N buộc phải biết được những rủi ro sẽ xảy ra là các hụi viên không đóng hụi, hiện nay bà N lại đang kinh doanh quán ăn. Do đó, việc xin giảm án phí của bà N không thuộc trường hợp bất khả kháng theo khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, nên Hội đồng xét xử không xem xét giảm án phí có giá ngạch đối với yêu cầu của bà N.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà N đã dự nộp được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự về việc giải quyết vụ án.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 50/2017/DS-ST ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Áp dụng các Điều 476 và Điều 479 của Bộ luật dân sự; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Buộc bà Nguyễn Thị N thanh toán cho anh Nguyễn Hoàng K số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị N phải chịu là 1.500.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Thị N không phải chịu. Ngày 06/7/2017 bà N đã dự nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0007156 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Hải Hà